

TRÍ TUỆ CẢM XÚC CỦA SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI NGHỀ DẠY HỌC

VŨ THỊ VÂN

Khoa Sư phạm, Trường Đại học Tây Nguyên

Nhận bài ngày 05/01/2026. Sửa chữa xong 24/02/2026. Duyệt đăng 28/02/2026.

Abstract

In the context of fundamental and comprehensive educational reform, teachers are required not only to possess strong professional knowledge and pedagogical competence but also to develop emotional intelligence, understood as the capacity for psychological adaptability within educational settings. For students majoring in Early Childhood Education, emotional intelligence plays a particularly important role due to the nature of their future work, which involves direct interaction with young children in emotionally rich environments. Emotional intelligence directly affects the effectiveness of pedagogical interactions, children's personality development, and teachers' professional sustainability. This paper analyzes the theoretical foundations of emotional intelligence and emotional intelligence in the teaching profession, clarifies its manifestations, influencing factors, and role in early childhood teaching, and proposes directions for fostering emotional intelligence as an essential professional competence in contemporary early childhood teacher education.

Keywords: Early Childhood Education students, early childhood teachers, educational orientation, emotional intelligence, emotional intelligence in the teaching profession, professional competence.

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, trí tuệ cảm xúc (TTCX) (Emotional Intelligence - EI) ngày càng được nhìn nhận như một năng lực tâm lý then chốt, có ảnh hưởng sâu rộng đến hành vi nghề nghiệp, khả năng thích ứng xã hội và sự phát triển cá nhân [1], [3]. Các nghiên cứu trong tâm lý học và giáo dục đã khẳng định rằng, bên cạnh trí tuệ, nhận thức và năng lực chuyên môn, TTCX góp phần quyết định chất lượng tương tác, hiệu quả công việc và sự ổn định tâm lý của con người trong môi trường nghề nghiệp [4], [8]. Đối với lĩnh vực giáo dục mầm non - nơi hoạt động giáo dục gắn chặt với cảm xúc, mối quan hệ và sự chăm sóc thì vai trò của TTCX càng trở nên nổi bật [6].

Thực tiễn nghề nghiệp cho thấy, giáo viên mầm non (GVMN) thường xuyên tham gia vào các mối quan hệ tương tác mang tính cảm xúc cao với trẻ, phụ huynh và đồng nghiệp. Quá trình giáo dục trẻ nhỏ không chỉ đòi hỏi kiến thức và kỹ năng sư phạm mà còn yêu cầu GV có khả năng nhận diện, điều tiết và sử dụng cảm xúc một cách linh hoạt, phù hợp với từng tình huống sư phạm. Nghiên cứu của Lê Thị Thanh Huyền (2021) chỉ ra rằng “*Những thách thức như áp lực công việc kéo dài, cường độ lao động lớn, trách nhiệm chăm sóc - giáo dục đồng thời, hay các tình huống cảm xúc phức tạp ở trẻ có thể trở thành nguồn gây căng thẳng tâm lý nếu giáo viên thiếu năng lực tự điều chỉnh và thích ứng cảm xúc*” [6, tr. 56]. Sinh viên GDMN, với tư cách là lực lượng GV tương lai, đang ở giai đoạn chuyển tiếp quan trọng trong quá trình hình thành năng lực nghề nghiệp và bản sắc nghề. Đây là thời kỳ mà các yếu tố tâm lý, đặc biệt là TTCX có thể được phát triển thông qua học tập lý luận, trải nghiệm thực hành và tương tác sư phạm. Việc nghiên cứu TTCX ở nhóm đối tượng này không chỉ giúp làm rõ đặc điểm và mức độ phát triển năng lực cảm xúc của SV mà còn cung cấp cơ sở khoa học cho việc thiết kế các chương trình đào tạo GV theo hướng chú trọng yếu tố con người và sức khỏe tâm lý nghề nghiệp.

Email: vtvan@ttn.edu.vn

Trên cơ sở đó, bài báo tập trung làm rõ khái niệm và vai trò của TTCX trong nghề dạy học mầm non; phân tích các biểu hiện chủ yếu của TTCX ở SV GDMN; đồng thời xác định những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hình thành và phát triển TTCX của đối tượng này. Trên nền tảng đó, bài báo đề xuất một số định hướng giáo dục nhằm phát triển TTCX như một năng lực nghề nghiệp cốt lõi trong đào tạo GVMN. Kết quả nghiên cứu góp phần bổ sung cơ sở lý luận và gợi mở các hướng ứng dụng trong thực tiễn đào tạo GVMN ở Việt Nam hiện nay, hướng tới xây dựng đội ngũ GVMN chuyên nghiệp, nhân văn và bền vững về mặt tâm lý nghề.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận về trí tuệ cảm xúc và đặc thù nghề dạy học mầm non

2.1.1. Khái niệm trí tuệ cảm xúc

Trong tâm lý học hiện đại, TTCX được xem là sự mở rộng quan trọng của cách tiếp cận truyền thống vốn nhấn mạnh trí tuệ nhận thức (IQ). Khái niệm này do Peter Salovey và John D. Mayer đề xuất năm 1990 nhằm lý giải những khác biệt trong thích ứng xã hội và thành công nghề nghiệp mà IQ không giải thích đầy đủ. Theo các tác giả, TTCX là khả năng nhận biết, hiểu, điều chỉnh và sử dụng cảm xúc của bản thân và người khác để định hướng tư duy và hành vi thích ứng. Trên cơ sở đó, tác giả đã xây dựng mô hình năng lực TTCX, gồm bốn thành phần: nhận diện cảm xúc; sử dụng cảm xúc để hỗ trợ tư duy; hiểu cảm xúc; và điều chỉnh cảm xúc. Mô hình này nhấn mạnh rằng TTCX là hệ thống năng lực có thể được giáo dục và phát triển thông qua đào tạo và trải nghiệm [7].

Ở góc độ ứng dụng, Daniel Goleman (2002) cho rằng TTCX giữ vai trò quyết định đối với hiệu quả và sự bền vững nghề nghiệp, đặc biệt trong các nghề có cường độ tương tác cảm xúc cao [3, tr. 56]. Dù khác biệt về tiếp cận, các nghiên cứu đều thống nhất rằng TTCX là năng lực tâm lý - xã hội quan trọng, có thể được hình thành và phát triển trong quá trình giáo dục, nhất là đối với GV nói chung hay SV GDMN nói riêng [2], [6]. Như vậy, dưới góc nhìn tâm lý học, TTCX được hiểu là khả năng nhận biết và thấu hiểu trải nghiệm cảm xúc chủ quan của bản thân và người khác, đồng thời nhận diện các phản ứng sinh lý và biểu hiện hành vi đi kèm cảm xúc. Trên cơ sở đó, cá nhân có thể điều chỉnh cảm xúc và hành vi một cách phù hợp với bối cảnh xã hội và văn hóa, góp phần nâng cao hiệu quả thích ứng và tương tác xã hội.

2.1.2. Trí tuệ cảm xúc và tính đặc thù của nghề giáo viên mầm non

Nghề GVMN được xem là một dạng lao động cảm xúc điển hình. Khái niệm “*emotional labor*” lao động cảm xúc do Arlie Russell Hochschild (1983), phân tích cách cảm xúc của con người bị điều chỉnh, quản lý và thương mại hóa trong các nghề nghiệp dịch vụ (tiếp viên hàng không, nhân viên chăm sóc khách hàng, giáo viên,...) sao cho phù hợp với chuẩn mực nghề nghiệp và kỳ vọng xã hội [4]. Trong giáo dục mầm non cũng vậy, GV thường xuyên phải duy trì trạng thái cảm xúc tích cực, ổn định và giàu tính năng đỡ tâm lý, ngay cả khi đối diện với áp lực công việc và các hành vi khó khăn của trẻ. Đặc thù này xuất phát từ đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ mầm non - nhóm đối tượng còn hạn chế khả năng tự điều chỉnh cảm xúc và phụ thuộc nhiều vào sự hỗ trợ cảm xúc từ người lớn. Do đó, GV không chỉ tổ chức hoạt động giáo dục mà còn đóng vai trò như một nguồn an toàn cảm xúc cho trẻ. Trạng thái cảm xúc của GV có ảnh hưởng trực tiếp đến cảm giác an toàn, sự gắn bó và sự phát triển cảm xúc - xã hội của trẻ [6, tr. 55].

Nghiên cứu của Huỳnh Văn Sơn và Hoàng Văn Cẩn (2016), dựa trên khảo sát bằng bảng hỏi đối với cán bộ quản lý, GVMN và phụ huynh tại TP. Hồ Chí Minh đã đánh giá mức độ đáp ứng kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp của GVMN. Kết quả cho thấy các nhóm kỹ năng như lập kế hoạch chăm sóc - giáo dục trẻ, chăm sóc sức khỏe, quản lý lớp học, giao tiếp - ứng xử, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, tổ chức công việc, tư duy sáng tạo và quản lý cảm xúc chỉ đạt mức trung bình khá [5]. Như vậy, TTCX nghề dạy học là nền tảng tâm lý không thể thiếu giúp GVMN thực hiện hiệu quả lao động cảm xúc, điều chỉnh cảm xúc một cách lành mạnh và phòng ngừa căng thẳng, kiệt sức nghề nghiệp; đồng thời, việc phát triển năng lực này cho SV GDMN ngay từ giai đoạn đào tạo, là điều kiện quan trọng bảo đảm khả năng thích ứng với các yêu cầu cảm xúc phức tạp của nghề dạy học mầm non trong thực tiễn nghề nghiệp.

2.2. Biểu hiện trí tuệ cảm xúc ở sinh viên sư phạm mầm non

2.2.1. Năng lực nhận diện cảm xúc

Nhận diện cảm xúc được xem là thành tố nền tảng của TTCX, giữ vai trò định hướng và chi phối sự hình thành các năng lực cảm xúc khác như điều chỉnh cảm xúc, thấu cảm và ứng xử xã hội. Trong tâm lý học, nhận thức cảm xúc được hiểu là khả năng nhận diện, gọi tên và hiểu rõ các trạng thái cảm xúc của bản thân, đồng thời ý thức được mối quan hệ giữa cảm xúc, suy nghĩ và hành vi trong những bối cảnh cụ thể [1], [4], [8]. Đối với SV GDMN, năng lực này thể hiện rõ trong quá trình học tập, rèn luyện nghiệp vụ và đặc biệt là trong các đợt thực tập sư phạm, giai đoạn mà SV thường xuyên trải qua nhiều trạng thái cảm xúc đan xen như lo lắng, áp lực đánh giá, căng thẳng khi quản lý trẻ, xen lẫn với niềm vui và sự hứng khởi khi tương tác tích cực với trẻ [2], [6].

Khả năng nhận thức cảm xúc giúp SV nhận biết kịp thời cảm xúc của bản thân, phân biệt được cảm xúc tích cực và tiêu cực, đồng thời hiểu rõ nguyên nhân phát sinh cảm xúc trong từng tình huống sư phạm. SV GDMN có năng lực nhận thức cảm xúc tốt thường biết “phản tư” về trải nghiệm cảm xúc của mình, nhận ra tác động của cảm xúc đối với hiệu quả học tập và thực hành nghề nghiệp, từ đó chủ động điều chỉnh suy nghĩ và lựa chọn hành vi phù hợp với vai trò người GV tương lai. Ngược lại, sự hạn chế trong nhận thức cảm xúc có thể khiến họ khó kiểm soát, phản ứng cảm tính, thiếu nhất quán trong giao tiếp sư phạm và gặp khó khăn trong quá trình học tập và rèn nghề. Trong bối cảnh rèn nghề của SV GDMN, nhận thức cảm xúc đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng nền tảng tâm lý vững chắc, góp phần nâng cao khả năng thích ứng nghề nghiệp và phòng ngừa các nguy cơ stress, kiệt sức nghề nghiệp về sau.

2.2.2. Năng lực thấu hiểu cảm xúc đối tượng tương tác

Thấu hiểu cảm xúc của trẻ mầm non là một năng lực cốt lõi trong TTCX nghề nghiệp của GVMN. Năng lực này thể hiện ở khả năng nhận diện và lý giải các trạng thái cảm xúc của trẻ thông qua biểu hiện hành vi, nét mặt, giọng nói và phản ứng trong các tình huống sinh hoạt, vui chơi và học tập. Do đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ mầm non còn hạn chế về khả năng diễn đạt ngôn ngữ, cảm xúc của trẻ thường được thể hiện gián tiếp và mang tính tình huống cao. Vì vậy, GV cần có sự nhạy cảm cảm xúc và khả năng quan sát tinh tế để hiểu được nhu cầu, mong muốn và những khó khăn tâm lý tiềm ẩn của trẻ. Việc thấu hiểu cảm xúc của trẻ giúp GV lựa chọn phương pháp chăm sóc và giáo dục phù hợp, góp phần tạo dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện và giàu tính hỗ trợ về mặt cảm xúc [6, tr. 59]. Bên cạnh đó, thấu hiểu cảm xúc của phụ huynh cũng là một yêu cầu quan trọng trong hoạt động sư phạm mầm non, bởi phụ huynh là đối tượng tương tác thường xuyên và có ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình chăm sóc - giáo dục trẻ. Năng lực này thể hiện ở khả năng GV nhận biết và lý giải các trạng thái cảm xúc của phụ huynh như lo lắng, kỳ vọng, căng thẳng hoặc chưa hài lòng trong quá trình trao đổi, phối hợp giáo dục. Thấu hiểu cảm xúc của phụ huynh giúp GV điều chỉnh cách giao tiếp, thể hiện sự đồng cảm và tôn trọng, từ đó xây dựng mối quan hệ hợp tác tích cực giữa gia đình và nhà trường. Mối quan hệ này không chỉ góp phần giảm thiểu xung đột, áp lực nghề nghiệp cho GV mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển toàn diện của trẻ [2], [6].

Xét trong tổng thể TTCX, năng lực thấu hiểu cảm xúc của trẻ và phụ huynh giữ vai trò cầu nối giữa nhận thức cảm xúc và điều chỉnh hành vi sư phạm của GVMN. Năng lực này giúp GV phản ứng linh hoạt trước các tình huống cảm xúc đa dạng trong môi trường giáo dục, đồng thời nâng cao hiệu quả tương tác sư phạm và chất lượng chăm sóc - giáo dục trẻ. Do đó, việc phát triển năng lực thấu hiểu cảm xúc của trẻ và phụ huynh cần được xem là một nội dung trọng tâm trong đào tạo và bồi dưỡng TTCX cho GVMN.

2.2.3. Năng lực điều chỉnh và kiểm soát cảm xúc bản thân

Travis Brandberry & Jean Greaves cho rằng: Kiểm soát cảm xúc bản thân không đơn thuần là chống lại cảm xúc bộc phát và cư xử khó hiểu mà là tạm gác sang một bên những nhu cầu tức thời để theo đuổi mục tiêu lớn lao và quan trọng hơn sẽ mang lại kết quả đáng nể” [1, tr. 28]. Các nghiên cứu của Cù Thị Thủy (2011), Lê Thị Thanh Huyền (2021), Vũ Thị Vân (2020)... chỉ ra rằng, năng lực điều chỉnh và kiểm soát cảm xúc được xem là một thành tố trung tâm của TTCX, phản ánh khả năng cá nhân quản lý, điều

tiết và biểu đạt cảm xúc một cách linh hoạt, phù hợp với mục tiêu hoạt động và các chuẩn mực xã hội. Họ chỉ ra rằng, năng lực này không đồng nghĩa với việc kìm nén hay phủ nhận cảm xúc mà là khả năng nhận diện trạng thái cảm xúc, đánh giá bối cảnh và lựa chọn chiến lược ứng xử phù hợp nhằm duy trì sự ổn định tâm lý và hiệu quả hành động [2], [6], [8]. Trong quá trình học tập và rèn nghề sư phạm, SV GDMN thường xuyên đối diện với nhiều áp lực như yêu cầu đánh giá chuyên môn, cường độ công việc cao, trách nhiệm chăm sóc - giáo dục trẻ cũng như các tình huống phức tạp trong quản lý hành vi và cảm xúc của trẻ mầm non. Những áp lực này có thể làm phát sinh các trạng thái cảm xúc tiêu cực như lo lắng, căng thẳng hoặc thất vọng, đặc biệt khi SV chưa có năng lực điều chỉnh cảm xúc bản thân phù hợp với yêu cầu đặc trưng của nghề dạy học.

Nghiên cứu của Lê Thị Thanh Huyền (2021) cũng chỉ ra rằng, SV có năng lực điều chỉnh cảm xúc tốt thường thể hiện ở khả năng duy trì sự bình tĩnh trước các tình huống căng thẳng, hạn chế phản ứng bộc phát và biết kiểm soát cảm xúc tiêu cực để lựa chọn cách ứng xử mềm dẻo, linh hoạt. Họ có xu hướng vận dụng các chiến lược điều chỉnh cảm xúc mang tính thích ứng như tái đánh giá tình huống, tự điều chỉnh nhận thức, tìm kiếm sự hỗ trợ hoặc điều chỉnh kỳ vọng bản thân. Nhờ đó, SV không chỉ duy trì được hình ảnh sư phạm tích cực mà còn góp phần xây dựng môi trường tâm lý an toàn cho trẻ trong quá trình tương tác. Ngược lại, sự hạn chế về năng lực điều chỉnh cảm xúc có thể khiến SV rơi vào trạng thái căng thẳng kéo dài, xử lý tình huống mang tính cảm tính hoặc thiếu linh hoạt. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến hiệu quả thực tập sư phạm mà còn tiềm ẩn nguy cơ hình thành những kiểu ứng xử chưa phù hợp trong nghề GVMN về sau [6]. Do đó, năng lực điều chỉnh và kiểm soát cảm xúc cần được xem là một nội dung trọng tâm trong quá trình phát triển TTCX cho SV ngành GDMN.

2.2.4. Năng lực sử dụng cảm xúc như phương tiện nghề nghiệp

Một biểu hiện quan trọng của TTCX trong hoạt động nghề nghiệp là khả năng sử dụng cảm xúc như một nguồn lực tâm lý nhằm duy trì và thúc đẩy động lực nghề [8, tr. 4]. Theo quan điểm của Salovey, P., & Mayer, J. D (1990), cá nhân có TTCX cao không chỉ nhận diện và hiểu được cảm xúc của bản thân mà còn biết cách vận dụng cảm xúc để định hướng tư duy, hành vi và mục tiêu cá nhân [7]. Đối với SV GDMN, khả năng này thể hiện ở việc chuyển hóa những cảm xúc tích cực như niềm vui, sự hứng thú, cảm giác có ý nghĩa trong học tập và thực hành sư phạm thành động lực học tập và rèn luyện nghề nghiệp lâu dài. Bên cạnh đó, TTCX còn giúp SV GDMN tiếp cận và xử lý các cảm xúc tiêu cực một cách xây dựng. Thay vì né tránh hoặc bị chi phối bởi các cảm xúc như căng thẳng, lo lắng hay thất vọng trong quá trình học tập và thực tập, SV có TTCX cao có xu hướng xem những cảm xúc này như tín hiệu phản hồi quan trọng để tự điều chỉnh hành vi, chiến lược học tập và định hướng phát triển bản thân. Goleman (2002) cho rằng khả năng kiểm soát và tái cấu trúc cảm xúc tiêu cực là nền tảng của sự kiên trì, khả năng vượt khó và thích ứng nghề nghiệp trong các lĩnh vực đòi hỏi tương tác xã hội cao, trong đó có nghề GVMN [3]. Nhờ khả năng sử dụng cảm xúc một cách linh hoạt và có mục đích, SV sư phạm mầm non có điều kiện duy trì tình yêu nghề, củng cố niềm tin nghề nghiệp và từng bước hình thành bản lĩnh nghề bền vững. Nhiều nghiên cứu cho thấy TTCX có mối liên hệ chặt chẽ với động cơ nghề nghiệp, mức độ gắn kết với nghề và sự hài lòng nghề nghiệp của GV [2], [6]. Do đó, việc phát triển năng lực sử dụng cảm xúc như một nguồn lực nội tại không chỉ góp phần nâng cao khả năng thích ứng của SV với yêu cầu nghề GVMN mà còn có ý nghĩa phòng ngừa sự suy giảm động cơ và nguy cơ bỏ nghề trong tương lai.

2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến trí tuệ cảm xúc của sinh viên giáo dục mầm non

2.3.1. Nhóm yếu tố cá nhân

Các yếu tố cá nhân giữ vai trò nền tảng trong sự hình thành và phát triển TTCX của SV GDMN. Trước hết, đặc điểm tính cách và khí chất ảnh hưởng đến cách SV trải nghiệm, biểu đạt và điều chỉnh cảm xúc. Những SV có xu hướng hướng ngoại, ổn định cảm xúc và cởi mở thường dễ dàng nhận diện cảm xúc của bản thân và người khác hơn so với những SV có xu hướng lo âu hoặc nhạy cảm quá mức. Bên cạnh đó, kinh nghiệm sống và trải nghiệm cảm xúc cá nhân cũng là yếu tố quan trọng. Những SV từng có kinh nghiệm chăm sóc trẻ, tham gia hoạt động xã hội hoặc trải qua các tình huống đòi hỏi sự thích

ứng cảm xúc thường có lợi thế trong việc phát triển năng lực cảm xúc. Ngoài ra, động cơ lựa chọn nghề GVMN cũng ảnh hưởng mạnh mẽ đến TTCX. SV lựa chọn nghề xuất phát từ tình yêu trẻ, giá trị nhân văn và mong muốn cống hiến thường có xu hướng đầu tư nhiều hơn vào việc rèn luyện năng lực cảm xúc so với những SV chọn nghề vì lý do ngẫu nhiên hoặc bị chi phối bởi yếu tố bên ngoài.

2.3.2. Nhóm yếu tố gia đình và xã hội

Gia đình và môi trường xã hội là bối cảnh đầu tiên và lâu dài góp phần hình thành năng lực cảm xúc của cá nhân. Phong cách giáo dục gia đình, cách cha mẹ biểu đạt và điều chỉnh cảm xúc cũng như mức độ khuyến khích con cái chia sẻ cảm xúc có ảnh hưởng sâu sắc đến khả năng tự nhận thức và điều chỉnh cảm xúc của SV sau này. Những môi trường gia đình giàu tính hỗ trợ cảm xúc thường tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển TTCX. Ngoài ra, môi trường giao tiếp xã hội và văn hóa cảm xúc cũng tác động đến cách SV nhìn nhận và biểu đạt cảm xúc. Các chuẩn mực xã hội liên quan đến việc bộc lộ cảm xúc, đặc biệt là cảm xúc tiêu cực có thể ảnh hưởng đến mức độ cởi mở và linh hoạt trong điều chỉnh cảm xúc của SV. Trong bối cảnh văn hóa Á Đông nói chung và Việt Nam nói riêng, nơi việc kiểm soát và kiểm chế cảm xúc thường được đề cao, SV có thể gặp khó khăn trong việc nhận diện và diễn đạt cảm xúc một cách lành mạnh nếu không được định hướng phù hợp.

2.3.3. Nhóm yếu tố đào tạo sư phạm

Đào tạo sư phạm là yếu tố có tính quyết định đối với sự phát triển TTCX nghề dạy học của SV GDMN, bởi đây là giai đoạn SV được trang bị có hệ thống các tri thức, kỹ năng và giá trị nghề nghiệp. Trước hết, nội dung và cấu trúc chương trình đào tạo ảnh hưởng trực tiếp đến mức độ chú trọng phát triển năng lực cảm xúc. Những chương trình đào tạo tích hợp giáo dục cảm xúc - xã hội, tâm lý học ứng dụng và kỹ năng giao tiếp sư phạm thường tạo điều kiện thuận lợi cho SV phát triển TTCX nghề dạy học của bản thân.

Phương pháp giảng dạy và tổ chức hoạt động học tập cũng đóng vai trò quan trọng. Các phương pháp dạy học tích cực, chú trọng trải nghiệm, thảo luận, phản tư và giải quyết tình huống sư phạm giúp SV có cơ hội trải nghiệm và rèn luyện năng lực cảm xúc trong bối cảnh thực tế hay hoạt động kiến tập, thực tập sư phạm là môi trường quan trọng để SV trực tiếp đối diện với các tình huống cảm xúc phức tạp của nghề GVMN, từ đó hình thành và củng cố TTCX nghề dạy học. Bên cạnh đó, vai trò nêu gương cảm xúc của đội ngũ giảng viên sư phạm và văn hóa nhà trường có ảnh hưởng mạnh mẽ đến quá trình học tập của SV. Cách giảng viên thể hiện sự thấu cảm, tôn trọng, công bằng và kiểm soát cảm xúc trong giảng dạy không chỉ truyền tải tri thức mà còn góp phần hình thành các chuẩn mực cảm xúc và ứng xử nghề nghiệp cho SV.

Như vậy, TTCX của SV GDMN được hình thành và phát triển dưới tác động tổng hợp của nhiều yếu tố khác nhau. Việc nhận diện đầy đủ các yếu tố này có ý nghĩa quan trọng trong việc thiết kế các chương trình đào tạo phù hợp nhằm phát triển TTCX nghề dạy học như một năng lực nghề nghiệp cốt lõi cho đội ngũ GVMN tương lai.

2.4. Vai trò của trí tuệ cảm xúc đối với nghề dạy học mầm non

Trong nghề dạy học mầm non, TTCX không chỉ là một năng lực hỗ trợ mà giữ vai trò nền tảng đối với hiệu quả hoạt động sư phạm và sự bền vững nghề nghiệp của GV. Với đặc thù lao động cảm xúc cao, GVMN thường xuyên phải tham gia vào các tương tác giàu cảm xúc với trẻ, phụ huynh và đồng nghiệp. Do đó, mức độ phát triển TTCX có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng thực hiện vai trò nghề nghiệp của người GV [3], [6].

Trước hết, TTCX góp phần nâng cao chất lượng tương tác sư phạm giữa GV và trẻ. GV có TTCX phát triển thường biết cách nhận diện cảm xúc của trẻ, điều chỉnh cảm xúc của bản thân và lựa chọn cách giao tiếp phù hợp với nhu cầu tâm lý của trẻ. Điều này giúp tạo dựng mối quan hệ thầy - trò tích cực, an toàn và tin cậy - một điều kiện quan trọng để trẻ hứng thú tham gia hoạt động học tập và phát triển toàn diện.

Thứ hai, TTCX của GVMN đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ sự phát triển cảm xúc - xã hội của trẻ. Trẻ mầm non học cách nhận diện, biểu đạt và điều chỉnh cảm xúc chủ yếu thông qua quá trình

quan sát và tương tác với người lớn. GV có năng lực cảm xúc tốt không chỉ làm gương về cách ứng xử cảm xúc phù hợp mà còn biết cách đồng hành, hướng dẫn và giúp trẻ từng bước hình thành năng lực cảm xúc - xã hội theo đúng quy luật phát triển lứa tuổi.

Thứ ba, TTCX là yếu tố quan trọng trong việc phòng ngừa stress, mệt mỏi cảm xúc và kiệt sức nghề nghiệp ở GVMN. Nhiều nghiên cứu tâm lý học nghề nghiệp chỉ ra rằng, thiếu năng lực nhận thức và điều chỉnh cảm xúc khiến GV dễ rơi vào trạng thái căng thẳng kéo dài, suy giảm động lực nghề và có nguy cơ rút lui khỏi nghề. Ngược lại, GV có TTCX cao thường có khả năng tự bảo vệ sức khỏe tâm lý, duy trì cân bằng cảm xúc và thích ứng tốt hơn với áp lực nghề nghiệp [5].

Cuối cùng, TTCX góp phần củng cố các giá trị nhân văn và đạo đức nghề nghiệp của GVMN. Thông qua thấu cảm, tự điều chỉnh và ý thức trách nhiệm cảm xúc, GV thể hiện thái độ tôn trọng trẻ, ứng xử nhân ái và hành động vì lợi ích phát triển của trẻ. Đây chính là nền tảng tâm lý cho việc thực hiện đạo đức nghề nghiệp và xây dựng hình ảnh người GVMN mẫu mực trong bối cảnh giáo dục hiện nay.

2.5. Định hướng phát triển trí tuệ cảm xúc trong đào tạo sinh viên Giáo dục Mầm non

Từ vai trò quan trọng của TTCX xúc đối với nghề dạy học mầm non có thể khẳng định rằng phát triển TTCX nghề dạy học cần được xem là một mục tiêu đào tạo xuyên suốt trong các chương trình đào tạo SV GDMN. Việc này đòi hỏi sự thay đổi từ quan niệm đào tạo thiên về tri thức và kỹ năng chuyên môn sang tiếp cận phát triển toàn diện năng lực nghề nghiệp, trong đó năng lực cảm xúc - xã hội giữ vị trí trung tâm.

Thứ nhất, cần lồng ghép có hệ thống nội dung giáo dục TTCX nghề dạy học vào chương trình đào tạo GVMN. Các học phần Tâm lý học, Giáo dục học và Nghiệp vụ sư phạm cần chú trọng hơn đến việc trang bị cho SV kiến thức về cảm xúc, TTCX, điều chỉnh cảm xúc và giao tiếp cảm xúc trong môi trường sư phạm. Việc tích hợp này giúp SV hiểu rõ vai trò của cảm xúc trong hoạt động nghề nghiệp và hình thành thái độ đúng đắn đối với việc rèn luyện năng lực cảm xúc.

Thứ hai, cần tăng cường các hoạt động trải nghiệm và “*phản tư cảm xúc*” trong quá trình học tập và rèn nghề sư phạm. Thông qua việc tham gia trực tiếp vào môi trường mầm non, SV có cơ hội trải nghiệm các tình huống cảm xúc thực tế, từ đó học cách nhận diện, phân tích và điều chỉnh cảm xúc của bản thân. Hoạt động phản tư, thảo luận và chia sẻ trải nghiệm cảm xúc sau thực tập có ý nghĩa quan trọng trong việc chuyển hóa trải nghiệm thành năng lực tâm lý bền vững.

Thứ ba, cần phát huy vai trò mẫu mực cảm xúc của đội ngũ giảng viên sư phạm. Trong đào tạo GV, giảng viên không chỉ truyền đạt tri thức mà còn là hình mẫu về cách ứng xử cảm xúc, giao tiếp và giải quyết tình huống. Cách giảng viên thể hiện sự tôn trọng, thấu cảm, công bằng và kiểm soát cảm xúc trong quá trình giảng dạy có ảnh hưởng mạnh mẽ đến quá trình học tập và hình thành nhân cách nghề nghiệp của SV.

Thứ tư, cần xây dựng môi trường đào tạo hỗ trợ sức khỏe tâm lý cho SV. Một môi trường học tập tích cực, an toàn về mặt tâm lý, có hệ thống hỗ trợ tư vấn và khuyến khích chia sẻ cảm xúc sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho SV phát triển TTCX. Đây cũng là yếu tố quan trọng giúp phòng ngừa stress học đường và nâng cao chất lượng đào tạo GVMN trong dài hạn.

3. Kết luận

Trí tuệ cảm xúc nghề dạy học được xác định là một năng lực nghề nghiệp cốt lõi, có ý nghĩa đặc biệt đối với GV và SV GDMN trong bối cảnh giáo dục hiện nay. Với đặc thù lao động cảm xúc cao, nghề GVMN đòi hỏi người hành nghề không chỉ vững vàng về tri thức và kỹ năng sư phạm mà còn phải có khả năng nhận diện, thấu hiểu, điều chỉnh và sử dụng cảm xúc một cách linh hoạt, phù hợp. Kết quả phân tích lý luận và tổng hợp nghiên cứu cho thấy TTCX có mối liên hệ chặt chẽ với chất lượng tương tác sư phạm, sự phát triển cảm xúc - xã hội của trẻ cũng như sức khỏe tâm lý và sự bền vững nghề nghiệp của GVMN.

Xem tiếp trang 82